TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L.T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ- ST
Ngày 27 tháng 7 năm 2022
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L.T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Nguyễn Tiến Sửu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân Huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện L.T tham gia phiên toà: Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị N.T.T, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V.H, xã T.D, Huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.Bị đơn: Anh L.T.V, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V.H, xã T.D, Huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 09/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị N.T.T trình bày:

Chị kết hôn với anh L.T.V, ngày 14 tháng 12 năm 2010. Có được tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.D, Huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình nhà chồng. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Anh V là người không chịu khó làm ăn, hay rượu chè về nhà thường xuyên mắng chửi chị, đập phá đồ đạc. Mâu thuẫn đỉnh điểm từ tháng 8/2021 anh V nhiều lần chửi, đánh chị, chị về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 01/2022, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh L.T.V.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 01 con chung là L.T.M.H, sinh ngày 17/9/2011, hiện nay đang ở cùng chị T. Ly hôn chị T xin được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoa cho đến khi thành niên. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh L.T.V, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh V không đến Tòa án làm việc do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022, anh L.T.V trình bày: Về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn chỉ là nhỏ nhặt, không đáng kể mỗi lần như vậy chị T lại bỏ về nhà mẹ đẻ, anh nhiều lần sang đón chị về đoàn tụ. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào ngày 11/01/2022 do mâu thuẫn trong việc cách ly dịch bệnh Covid19 nên chị T về nhà mẹ đẻ anh có gọi điện nhưng chị T không về đoàn tụ. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh V thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là L.T.M.H, sinh ngày 17/9/2011, hiện nay đang ở cùng chị T. Ly hôn anh V xin được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoa cho đến khi thành niên. Anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Anh V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2022 cháu L.T.M.H trình bày nguyện vọng của cháu muốn ở cùng mẹ vì bố hay đánh chửi cháu.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T.D: Việc kết hôn giữa chị T và anh V được Ủy ban nhân dân xã T.D đăng ký kết hôn ngày 14/12/2010, sau ngày cưới chị T về làm dâu gia đình anh V, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện nay chị T không ở cùng gia đình anh V. Về con chung của vợ chồng như chị T, anh V trình bày có 01 con chung là đúng. Anh V hiện nay vẫn làm ăn sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện L.T phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung đề nghị giao cho chị T trực tiếp nuôi con;

về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị T, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị N.T.T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh L.T.V, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T.D, Huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện L.T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh L.T.V vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị N.T.T và anh L.T.V là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau kết hôn chị T và anh V có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Trong thời gian chung sống chị T đã nhiều lần về nhà mẹ đẻ. Mâu thuẫn đỉnh điểm khoảng tháng 01 năm 2022 vợ chồng cãi nhau trong việc cách ly Covid 19, chị T về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hai gia đình không dàn xếp gì. Anh V muốn đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp gì. Tòa án thông báo phiên hòa giải, báo gọi anh không đến Tòa điều đó thể hiện anh V không thiết tha việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xác minh tại địa phương xã T.D thể hiện chị T đã về nhà mẹ đẻ. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị N.T.T được ly hôn anh L.T.V.

Về con chung: Xét đề nghị của chị T, anh V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu L.T.M.H, sinh ngày 17/9/2011, hiện nay đang ở cùng chị T. Sau khi chị T về nhà mẹ đẻ ở chị T đón cháu Hoa về nuôi dưỡng, anh V không quan tâm hỏi han gì. Ly hôn chị T và anh V cùng xin được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoa cho đến khi thành niên. Nguyện vọng của cháu Hoa muốn được ở cùng mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Hoa, cũng như quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn cần giao cho chị T tiếp tục nuôi con. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Điều đó có nghĩa nguyện vọng xin nuôi con của anh V không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức đóng góp: Chị T, anh V không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Chị N.T.T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị N.T.T được ly hôn anh L.T.V.

2. Về con chung: Giao cho chị N.T.T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L.T.M.H, sinh ngày 17/9/2011 cho đến khi thành niên. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức đóng góp: Chị T, anh V không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N.T.T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006264 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện L.T. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án. Anh V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân Huyện L.T;
- Chi cục Thi hành án dân sự Huyện L.T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T.D (để vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sinh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh